



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 149/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 29/09/2025
4. Ngày nhận mẫu: 29/09/2025
5. Ngày trả kết quả: 06/10/2025
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
TRƯỞNG PHÒNG

  
Võ Chí Thành

~~DUYỆT~~ TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Vũ Văn Bình



**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

**Địa chỉ:** Nhà máy nước Võ Cạnh, Tổ dân phố Võ Cạnh, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Điện thoại:** 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 149/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 06/10/2025

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2509072	Nhà máy xử lý nước Sơn Thạnh, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 149/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 06/10/2025

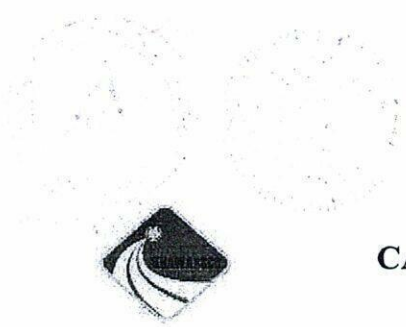
## III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2509072

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT
1	Mùi	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	3	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,81	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,77	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,1	2
6	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	1
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,9
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,27	11
10	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	8,7	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	0,65	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	10,4	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	KPH	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	35,65	1000
16	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,035	0,2
17	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	<1
18	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	<1

(\*) Phương pháp đã được công nhận VILAS  
KPH: Không phát hiện

*Tuonguy*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 154/2025/PKQ-QLCLN

**I THÔNG TIN MẪU**

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 06/10/2025
4. Ngày nhận mẫu: 06/10/2025
5. Ngày trả kết quả: 13/10/2025
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

**PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
TRƯỞNG PHÒNG**

  
**Lê Chi Thành**



**DUỆT TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Bình**



**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

**Địa chỉ:** Nhà máy nước Võ Cạnh, Tổ dân phố Võ Cạnh, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Điện thoại:** 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 154/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 13/10/2025

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2510006	Nhà máy xử lý nước Sơn Thạnh, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 154/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 10/10/2025

## III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

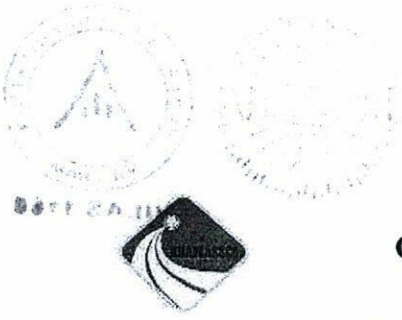
Mã số mẫu: 2510006

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT
1	Mùi	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	2	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,84	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,71	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,3	2
6	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	1
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,9
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,35	11
10	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	15,5	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	0,70	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	8,8	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	KPH	0,5
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	0,02	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	52,4	1000
16	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,022	0,2
17	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	<1
18	<i>E. Coli</i>	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	<1

(\*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện

*Nguyễn Tung*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 159/2025/PKQ-QLCLN

**I THÔNG TIN MẪU**

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 13/10/2025
4. Ngày nhận mẫu: 13/10/2025
5. Ngày trả kết quả: 20/10/2025
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

**PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
TRƯỞNG PHÒNG**

Võ Chi Thanh



**DUYỆT**  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Bình**



**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

**Địa chỉ:** Nhà máy nước Võ Cảnh, Tổ dân phố Võ Cảnh, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Điện thoại:** 02583822315



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 159/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 20/10/2025

### II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2510035	Nhà máy xử lý nước Sơn Thạnh, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 159/2025/PKQ-QLCLN

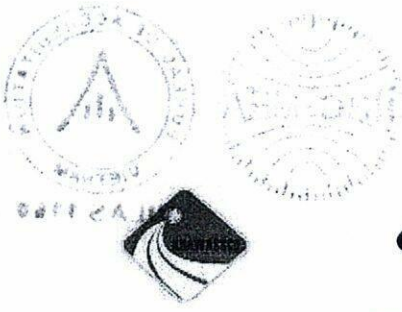
Ngày in kết quả: 20/10/2025

## III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2510035

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT
1	Mùi	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	0	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,80	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	7,01	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,3	2
6	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	-KPH	1
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,9
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,26	11
10	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	9,9	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	0,51	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	7,2	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	KPH	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	0,03	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	39,3	1000
16	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,032	0,2
17	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	<1
18	<i>E. Coli</i>	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	<1

(\*) Phương pháp đã được công nhận VILAS  
KPH: Không phát hiện



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**


**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 161/2025/PKQ-QLCLN

**I THÔNG TIN MẪU**

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 09/10/2025
4. Ngày nhận mẫu: 09/10/2025
5. Ngày trả kết quả: 20/10/2025
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

**PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
TRƯỞNG PHÒNG**

  
Võ Chi Thành



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Bình**



**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

**Địa chỉ:** Nhà máy nước Võ Cảnh, Tổ dân phố Võ Cảnh, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Điện thoại:** 02583822315



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 161/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 20/10/2025

## II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2510024	Tủ mẫu Sơn Thạnh - VDA 300, đường Quốc lộ 27C, xã Diên Lạc, tỉnh Khánh Hòa



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 161/2025/PKQ-QLCLN

## III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2510024

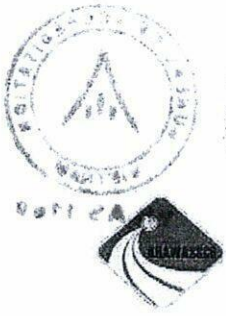
Ngày in kết quả: 20/10/2025

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT
1	Mùi	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	1	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,81	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	7,00	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,2	2
6	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	1
7	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	< LOQ	2
8	Asen (As)	mg/l	SMEWW-3125:2017 (#)	0,001	-	0,001	0,01
9	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1
10	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1



*Handwritten signature*

(\*) Phương pháp đã được công nhận VILAS  
 (#) Phương pháp do Viện Pasteur Nha Trang thực hiện (NCCBN)  
 KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 164/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 21/10/2025
4. Ngày nhận mẫu: 21/10/2025
5. Ngày trả kết quả: 27/10/2025
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
TRƯỞNG PHÒNG

  
Võ Chi Thanh



DUYỆT KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Bình



**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

**Địa chỉ:** Nhà máy nước Võ Cảnh, Tổ dân phố Võ Cảnh, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Điện thoại:** 02583822315



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Số: 164/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 27/10/2025

## II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2510066	Nhà máy xử lý nước Sơn Thạnh, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 164/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 27/10/2025

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2510066

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT
1	Mùi	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	0	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,84	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,83	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,2	2
6	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	1
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,9
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,32	250
10	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	13,5	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	0,52	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	8,8	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	KPH	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	0,02	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	52,6	1000
16	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,046	0,2
17	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1
18	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(\*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 27/10/2025
4. Ngày nhận mẫu: 27/10/2025
5. Ngày trả kết quả: 03/11/2025
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
TRƯỞNG PHÒNG

Võ Chí Thành

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
DUYỆT THÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



DUYỆT

Vũ Văn Bình



**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

**Địa chỉ:** Nhà máy nước Võ Cảnh, Tổ dân phố Võ Cảnh, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Điện thoại:** 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 169/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 03/11/2025

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2510092	Nhà máy xử lý nước Sơn Thạnh, thôn Lễ Thạnh, xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 01/01/2025

## III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2510092

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT
1	Mùi	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	2	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,89	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,95	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,6	2
6	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	1
7	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	< LOQ	2
8	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1
9	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(\*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện

*Trương Quý*

